

Bản án số: 40/2018/HSST
Ngày 12 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Quang Định và bà Đặng Thị Vui.

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Thanh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông Phạm Tiến Bình, Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2018/HSST ngày 05 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. **Lê Sỹ K;** sinh ngày 18 tháng 6 năm 1985 tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu Hải Hòa, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Sỹ Th và bà Vũ Thị Th1; có vợ là Bùi Thị N1; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

2. **Phạm Văn D;** sinh ngày 20 tháng 9 năm 1982 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 27, khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T6 và bà Vũ Thị Nh; có vợ là Nguyễn Thị Th2; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

3. **Ngô Văn Đ;** sinh ngày 12 tháng 12 năm 1983 tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 3, khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều,

tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn Đ5 và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ là Bùi Thị Thu H3; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

4. **Phạm Văn T**; sinh ngày 25 tháng 12 năm 1981 tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 23, khu 5, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T6 và bà Nguyễn Thị Ph; có vợ là Hoàng Thị T7; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

5. **Phạm Văn H**; sinh ngày 18 tháng 10 năm 1992 tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: khu Hải Hòa, phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị T8; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

6. **Hoàng Công H**; sinh ngày 01 tháng 8 năm 1987 tại huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: tổ 4, khu Dốc Đỏ 2, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn C3 và bà Ngô Thị H2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

7. **Nguyễn Văn Đ**; sinh ngày 12 tháng 01 năm 1986 tại huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: tổ 20A, khu 4, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị Nh; có vợ là Nguyễn Thị Nh2 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

8. **Bùi Tiến P**; sinh ngày 03 tháng 3 năm 1985 tại huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thôn An Dương, xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Tiến B1 và bà Vũ Thị C4; có vợ là Vũ Thị T8; có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

9. **Vũ Huy T**; sinh ngày 14 tháng 6 năm 1981 tại huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh; nơi cư trú: tổ 3, khu Dốc Đỏ, phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Huy B3 và bà Nguyễn Thị T9; có vợ là Nguyễn Thị X; có 02 con, con lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

10. **Nguyễn Thế Đ**; sinh ngày 12 tháng 02 năm 1985 tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: tổ 5, khu 3, phường Vàng Danh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X1 Trạm và bà Trần Thị L1 (đã chết); có vợ là Phan Thị A; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

11. **Nguyễn Văn N**; sinh ngày 25 tháng 8 năm 1981 tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn 7, xã Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; nguyên làm nghề: Công nhân, Công ty than Nam Mẫu; trình độ văn hoá: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C5 và bà Bùi Thị T10; có vợ là Nguyễn Thị H3; có 02 con, con lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 05/11/2017; được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 14/11/2017; hiện tại ngoại nơi cư trú; có mặt.

** Những người làm chứng:*

- Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm: 1998; địa chỉ: tổ 32, khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh Hoàng Đại T2, sinh năm: 2001; địa chỉ: tổ 32, khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Người giám hộ: Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1977; địa chỉ: tổ 32, khu Phú Thanh Tây, phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Anh Lê Tuấn A, sinh năm: 1989; địa chỉ: thôn Thượng Thông, xã Hồng Thái Đông, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Bùi Huy C1, sinh năm: 1975; địa chỉ: tổ 9, khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm: 1972; địa chỉ: tổ 11, khu 3, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Bùi Phong Q, sinh năm: 1986; địa chỉ: thôn Cẩm Vỹ, xã Cẩm La, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Ngô Xuân C2, sinh năm: 1993; địa chỉ: tổ 1, khu Phong Thái, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Lê Thành Đ3, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 1, khu Vĩnh Tuy 2, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn Đ4, sinh năm: 1982; địa chỉ: tổ 5, khu 3, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm: 1982; địa chỉ: thôn An Trung, An Lưu, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1987; địa chỉ: xóm Hải Ninh, xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; vắng mặt.
- Anh Lê Ngọc T3, sinh năm: 1987; địa chỉ: thôn Lương Xá, xã Kim Lương, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.
- Anh Trần Văn T4, sinh năm: 1976; địa chỉ: tổ 14, khu 4, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Triệu Quang D1, sinh năm: 1993; địa chỉ: thôn Khe Sứ 2, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Trần Văn M, sinh năm: 1974; địa chỉ: tổ 45, khu 12, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm: 1984; địa chỉ: thôn 1, xã Điền Công, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

** Những người chứng kiến:*

- Anh Phùng Văn D2, sinh năm: 1988; địa chỉ: tổ 35, khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.
- Bà Phạm Thị Bích H2, sinh năm: 1962; địa chỉ: tổ 35, khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05/11/2017, sau khi giao lưu bóng đá và ăn trưa, công nhân của Phân xưởng đào lò 3, thuộc Công ty than Nam Mẫu - TKV rủ nhau đến quán Karaoke Trần Giàu tại tổ 35, khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh để hát. Khi đến hành lang tầng 01, lúc này có có tiếng một người (không rõ là ai) nói “*anh, em mình làm tí xóc đĩa nhĩ*” thì tất cả hưởng ứng. Lê Sỹ K đã đến quầy lễ tân tầng 01 gặp cháu Hoàng Đại T2 là người đến chơi và phụ giúp cho Nguyễn Hoàng C là người phục vụ của quán hát. K hỏi T2 thuê phòng hát, rồi hỏi mượn 01 chiếc chiếu, hoặc tấm bạt nhờ cháu T2 cầm lên phòng hát cho K. Cháu T2 lên bật điện trong phòng 02 và phòng 03 của tầng 02. Sau đó, K cùng Ngô Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn H và một số người vào phòng số 03, những người còn lại vào phòng số 02. T2 đi xuống nhà kho lấy 01 tấm bạt nhựa trải xuống nền phòng hát số 03. Phạm Văn D xuống bếp của quán lấy 01 chiếc bát con bằng sứ và 01 chiếc đĩa nhựa rồi lấy trong túi áo khoác của mình 01 bộ bài tú lơ khơ đem theo từ trước. Khi lên cầu thang, D gặp K và đưa cho K bát sứ, đĩa nhựa và bộ bài tú lơ khơ, rồi cả hai đi vào phòng hát. K để bát, đĩa và bộ bài tú lên bàn rồi tiếp tục đi xuống tầng 01 gặp cháu T2 mượn kéo. Cháu T2 lấy chiếc kéo tại quầy lễ tân đưa cho K. K mang lên Phòng số 03 để kéo ở cạnh bát, đĩa đã để trước đó. Đ lấy 01 quân bài tú lơ khơ, dùng kéo K vừa mang lên cắt thành 04 quân vị đường kính 1,5cm rồi cho quân vị vào trong đĩa nhựa, úp chiếc bát lên rồi dùng hai tay cầm bát, đĩa xóc lên xuống nhiều lần để T, K và H chơi với mình. Đ là người cầm cái.

Hình thức chơi xóc đĩa là đặt hai cửa chắn và lẻ. Từ vị trí bát, đĩa trở về phía trong lòng người cầm cái quy định là cửa chắn, trở ra phía ngoài người chơi quy định là cửa lẻ. Người tham gia đặt tiền xuống các cửa khác nhau tùy thích và được người cầm cái đồng ý, số tiền mỗi ván người chơi đặt cửa thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là đến 3.000.000 đồng. Sau khi người chơi đặt tiền xong, người cầm cái mở bát ra thấy hai hay bốn quân vị cùng mặt úp hoặc mặt ngửa thì gọi là cửa chắn, một hoặc ba cùng mặt úp hoặc ngửa gọi là cửa lẻ. Nếu khi mở ra là cửa chắn, thì người đặt cửa chắn được nhận số tiền tương ứng với số tiền đặt cửa từ người cầm cái, còn người đặt cửa lẻ mất toàn bộ số tiền đặt cửa cho người cầm cái và ngược lại.

Khi bắt đầu đánh bạc, có Đ, K, T và H cùng chơi. Trong khi cả bọn đang đánh bạc thì D vào cùng chơi. Sau đó Nguyễn Văn N, Hoàng Công H1 và Bùi Tiến P từ phòng hát số 02 đi sang phòng số 03 cùng tham gia đánh bạc. Tiếp đó, có khoảng 03 đến 04 thanh niên không quen biết thấy nhóm của Đ đánh bạc nên cũng vào tham gia. Khoảng 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Đ1 vào phòng số 03 cùng tham gia đánh bạc. Khoảng 10 phút sau, Nguyễn Thế Đ2, Vũ Huy T1 và Phạm Văn H cũng vào tham gia đánh bạc. Sau đó những người thanh niên không quen biết không tham gia đánh bạc nữa, đứng dậy đi ra khỏi phòng.

Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi Công an vào bắt quả tang, Đ, D, K, Tuyền, H và Đ1 đã rút toàn bộ số tiền ở tay xuống tấm bạt trước mặt, còn N, H1 và Đ2 đã cho toàn bộ tiền đang cầm trên tay dùng vào việc đánh bạc cho vào trong người. Công an đã thu giữ tại chiếu bạc số tiền 38.200.000 đồng, thu giữ trên người: Ngô Văn Đ 570.000 đồng, Lê Sỹ K 10.000.000 đồng, Nguyễn Văn N 3.300.000 đồng, Hoàng

Công H1 500.000 đồng, Bùi Tiến P 120.000 đồng, Nguyễn Văn Đ1 2.800.000 đồng, Nguyễn Thế Đ2 150.000 đồng và thu giữ toàn bộ công cụ dùng vào việc đánh bạc.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản như nội dung Cáo trạng. Do các bị cáo đã uống rượu sau khi liên hoan Phân xưởng và đi hát Karaoke nên rủ nhau cùng đánh bạc cho vui chứ không ai bàn bạc với nhau từ trước. Các bị cáo Hoàng Công H1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N khai: số tiền cơ quan Công an thu trên người các bị cáo dùng vào việc đánh bạc. Các bị cáo khác khác khai: số tiền cơ quan Công an thu trên người các bị cáo không dùng vào việc đánh bạc. Các bị cáo thừa nhận việc truy tố và quyết định đưa các bị cáo ra xét xử là đúng người, đúng tội, không oan, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Giai đoạn điều tra, những người làm chứng nêu trên đã khai toàn bộ nội dung sự việc như đã nêu trên. Những người chứng kiến xác nhận việc Công an bắt quả tang các bị cáo đánh bạc và cơ quan Công an đã thực hiện những thủ tục tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSUB-QN ngày 02 tháng 02 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị can Lê Sỹ K, Phạm Văn D, Ngô Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Hoàng Công H1, Nguyễn Văn Đ1, Bùi Tiến P, Vũ Huy T1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 248, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (khoản 2 Điều 51 đối với Phạm Văn D), xử phạt bị cáo Lê Sỹ K, Phạm Văn D và Ngô Văn Đ, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Văn T, Hoàng Công H1, Phạm Văn H mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng về tội “Đánh bạc”. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 và khoản 3, Điều 248; Điều 30; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm i và s khoản 1, Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 (bị cáo Nguyễn Văn N và Nguyễn Thế Đ2 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015): xử phạt Nguyễn Văn N, Bùi Tiến P, Nguyễn Thế Đ2 và Vũ Huy T1 mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009): phạt bổ sung các bị cáo Lê Sỹ K, Phạm Văn D, Ngô Văn Đ mỗi bị cáo từ 5.000.000đ đến 8.000.000đ; phạt bổ sung các bị cáo Nguyễn Văn Đ1, Phạm Văn T và Hoàng Công H1 mỗi bị cáo từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; các điểm b và c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tiêu hủy công cụ dùng vào việc đánh bạc; Tịch thu sung công số tiền 42.150.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) dùng vào việc đánh bạc; Trả lại bị cáo Ngô Văn Đ 570.000đ (năm trăm bảy mươi ngàn đồng), Lê Sỹ K 10.000.000đ (mười triệu đồng), Bùi Tiến P 120.000đ (một trăm hai mươi ngàn đồng), Nguyễn Văn Đ 2.800.000đ (hai triệu tám trăm ngàn đồng) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và những người chứng kiến Công an bắt quả tang, thu giữ tiền cùng những vật chứng khác dùng vào việc đánh bạc. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 05/11/2017, tại phòng hát số 03, tầng 02, quán Karaoke Trần Giàu, ở tại tổ 35, khu 9, phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Công an thành phố Uông Bí đã bắt quả tang Lê Sỹ K, Phạm Văn D, Ngô Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Hoàng Công H1, Nguyễn Văn Đ1, Bùi Tiến P, Vũ Huy T1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, thu tại chiếu đánh bạc số tiền 38.200.000 đồng và thu trên người Nguyễn Văn N, Hoàng Công H1 và Nguyễn Thế Đ2 số tiền 3.950.000 đồng được dùng vào việc đánh bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 42.150.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi ngàn đồng). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa truy tố các bị cáo là có cơ sở pháp luật.

[3] Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”.

[4] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng của Nhà nước. Các bị cáo tụ tập rủ nhau đánh bạc có tính chất sát phạt tiền bạc của nhau, không những làm thiệt hại về tài sản của mình và người khác, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh.

[5] Xét tính chất của đồng phạm và vai trò phạm tội của các bị cáo trong vụ án thấy: Các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, câu kết chặt chẽ với nhau từ trước mà chỉ nhất thời phạm tội nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo K là người thuê phòng hát, mượn bát và kéo cắt quân xóc đĩa, bị cáo D mượn bát, đĩa và lấy quân bài trong túi quần mình ra để bị cáo Đ cắt quân bài và cầm cái đánh bạc nên ba bị cáo này có vai trò ngang nhau và phải chịu hình phạt cao hơn những bị cáo khác. Các bị cáo Phạm Văn T, Phạm Văn H, Hoàng Công H1 và Nguyễn Văn Đ1 cùng tham gia đánh bạc từ đầu với số tiền cao nên xếp vai trò thứ hai. Các bị cáo Bùi Tiến P, Vũ Huy T1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N tham gia đánh bạc sau và với số tiền ít hơn các bị cáo khác nên giữ vai trò thứ ba trong việc phạm tội và cũng phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của mình.

[6] Xét các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo; có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; riêng ba bị cáo Phạm Văn D, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N có bố, mẹ là những người có công với Nước được Nhà nước tặng thưởng huân, huy chương, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định phù hợp để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[7] Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và việc phân hóa vai trò thực hiện tội phạm, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, nhưng có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bản thân có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội cho các bị cáo có cơ hội làm việc nuôi sống bản thân và gia đình, sửa chữa lỗi lầm, cải tạo giáo dục thành người có ích cho gia đình và phòng ngừa chung cho xã hội, điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt. Đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy cần cho các bị cáo Lê Sỹ K, Phạm Văn D, Ngô Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Hoàng Công H1 và Nguyễn Văn Đ1 được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý giáo dục với một thời gian thử thách phù hợp; các bị cáo Bùi Tiến P, Vũ Huy T1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N cần áp dụng phạt tiền là hình phạt chính. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên và ý kiến của các bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Do phạm tội với mục đích sát phạt tiền bạc của nhau để hưởng lợi, Hội đồng xét xử áp dụng phạt bổ sung một khoản tiền nhất định đối với các bị cáo được hưởng án treo sung ngân sách Nhà nước trên cơ sở phân hóa vai trò thực hiện tội phạm như đã nêu trên.

[9] Về vật chứng của vụ án: Số tiền 42.150.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) các bị cáo dùng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số bát, đĩa, quần bài và bát là công cụ phạm tội cần tịch thu và tiêu hủy. Số tiền thu trên người các bị cáo Lê Sỹ K, Ngô Văn Đ và Bùi Tiến P không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Đối với một số nam giới lạ mặt cùng tham gia vào việc đánh bạc đã bỏ về trước khi Công an bắt quả tang chưa xác định được lai lịch, địa chỉ. Đối với Trần Đ4 Th3 và Nguyễn Hoàng C cho nhóm đánh bạc mượn công cụ dùng vào việc đánh bạc nhưng không biết và cũng không liên quan đến việc đánh bạc nên không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Sỹ K, Phạm Văn D, Ngô Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Hoàng Công H1, Nguyễn Văn Đ1, Bùi Tiến P, Vũ Huy T1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ vào: các khoản 1 và 3 Điều 248, các khoản 1 và 2 Điều 20, Điều 53, các khoản 2 và 3 Điều 30, các điểm h và p khoản 1 (bị cáo Phạm Văn D áp dụng thêm khoản 2) Điều 46, các khoản 1, 2 và 3 Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Lê Sỹ K 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Lê Sỹ K 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn D 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Ngô Văn Đ 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Ngô Văn Đ 5.000.000đ (năm triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn T 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Văn H 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Công H1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Hoàng Công H1 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn Đ1 3.000.000đ (ba triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

Giao các bị cáo Lê Sỹ K và Phạm Văn H cho Ủy ban nhân dân phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục.

Giao bị cáo Phạm Văn D cho Ủy ban nhân dân phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục.

Giao bị cáo Ngô Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục.

Giao các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn Đ1 cho Ủy ban nhân dân phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục.

Giao bị cáo Hoàng Công H1 cho Ủy ban nhân dân phường Phương Đông, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh giám sát và giáo dục.

Gia đình các bị cáo nêu trên có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp những người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Căn cứ vào: các khoản 1 Điều 248, các khoản 1 và 2 Điều 20, Điều 53, các khoản 1 và 3 Điều 30, các điểm h và p khoản 1 (riêng các bị cáo Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N áp dụng thêm khoản 2) Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999:

- Xử phạt bị cáo Bùi Tiến P 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Vũ Huy T2 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế Đ2 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 10.000.000đ (mười triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước;

4. Căn cứ vào: khoản 1, các điểm a và b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền 42.150.000đ (*bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) các bị cáo dùng để đánh bạc.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) bắt sừ, 01 (một) đĩa nhựa, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 46 (bốn mươi sáu) quân bài, 03 (ba) mảnh bắt sừ, 01 (một) chiếc kéo, 01 (một) tấm bạt nhựa, đều đã qua sử dụng.

- Trả lại cho các bị cáo: Lê Sỹ K số tiền 10.000.000đ (*mười triệu đồng*); Ngô Văn Đ 570.000đ (*năm trăm bảy mươi nghìn đồng*); Nguyễn Văn Đ1 2.800.000đ (*hai triệu tám trăm nghìn đồng*); Bùi Tiến P 120.000đ (*một trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tình trạng những vật chứng nêu trên theo Biên bản giao vật chứng ngày 05/3/2018 và Bảng kê tiền tang vật kèm theo Biên bản này giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Căn cứ vào: khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Lê Sỹ K, Phạm Văn D, Ngô Văn Đ, Phạm Văn T, Phạm Văn H, Hoàng Công H1, Nguyễn Văn Đ1, Bùi Tiến P, Vũ Huy T1, Nguyễn Thế Đ2 và Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Căn cứ vào: Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND TP. Uông Bí;
- VKSND T. Quảng Ninh;
- Công an TP. Uông Bí;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- THADS TP. Uông Bí;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; Lưu TA.(Th. L 19)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lâm